

## SEMINAR TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

### Quan hệ giữa sinh kế và tình trạng nghèo ở nông thôn Việt Nam

Người trình bày: TS.Trần Tiến Khai<sup>1</sup>

Ngày : 07/01/2013

#### TÓM TẮT BÀI VIẾT

Khái niệm nghèo về tiền thường được áp dụng trong nghiên cứu về đói nghèo trên thế giới. Tuy nhiên, tình trạng nghèo không chỉ được đo lường bằng chỉ tiêu hay thu nhập, mà còn bằng các chỉ báo về mức sống chỉ ra phúc lợi kinh tế - xã hội mà hộ gia đình có được. Mặc dù vậy, việc chọn lựa các chỉ báo phù hợp để đo lường nghèo đa chiều vẫn còn chưa rõ ràng. Cách tiếp cận Sinh kế bền vững (SLA) của Bộ Phát triển Quốc tế - Vương Quốc Anh (DFID) có quan hệ chặt chẽ với khái niệm nghèo đa chiều khi sử dụng một bộ các chỉ báo kinh tế - xã hội để phản ánh khả năng tiếp cận đến năm nhóm tài sản sinh kế bao gồm tài sản con người, xã hội, tự nhiên, vật chất và tài chính của hộ gia đình hoặc cá nhân.

Nghiên cứu này nhằm đến việc khám phá các quan hệ qua lại giữa tình trạng nghèo về tiền và các đặc trưng kinh tế - xã hội khác của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam dựa trên cách tiếp cận sinh kế và tìm kiếm các chỉ báo kinh tế - xã hội phù hợp cho đo lường nghèo đa chiều. Nghiên cứu giả định rằng tài sản sinh kế có thể được dùng để biểu thị nghèo đa chiều thông qua các chỉ báo cụ thể.

Các mục tiêu cụ thể của đề tài là 1) tìm kiếm các chỉ báo phù hợp đại diện cho tình trạng nghèo ở các khía cạnh kinh tế, xã hội; 2) hiểu được các mối quan hệ qua lại giữa các chỉ báo đa chiều; 3) phân loại tình trạng nghèo của hộ theo dựa trên các chỉ báo đa chiều; và 4) tìm hiểu sự khác biệt giữa phân loại hộ theo tình trạng nghèo đơn chiều và nghèo đa chiều.

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu phân tích bao gồm 6.837 hộ nông thôn được trích ra từ dữ liệu Điều tra Mức sống Hộ gia đình Việt Nam năm 2008. Các phương pháp phân tích đa biến như Principle Component Analysis, Multiple Correspondence Analysis được áp dụng để phát hiện các chỉ báo. Cluster Analysis được dùng để phân cụm hộ theo các chỉ báo nghèo đa chiều, từ đó khám phá sự khác biệt giữa kết quả phân cụm nghèo đa chiều và phân cụm nghèo theo ngũ phân vị chỉ tiêu bình quân đầu người.

Kết quả phân tích cho phép rút ra các kết luận sau đây.

Tình trạng nghèo đa chiều có ít nhất mười chiều đo đại diện cho bốn nhóm tài sản sinh kế là vốn con người, vốn tự nhiên, vốn vật chất, và vốn tài chính của hộ gia đình. Trong đó, vốn con người được đại diện bởi ba chiều độc lập là nguồn nhân lực cho nông nghiệp, tình trạng sức khỏe và khả năng đa dạng hóa việc làm. Vốn vật chất có năm chiều đo đại diện là tình

---

<sup>1</sup> Giảng viên khoa Kinh tế Phát triển Trường Đại Học Kinh Tế Tp.HCM. Email: trankhai565@yahoo.com

trạng nhà ở, tiện nghi cư trú, tài sản sản xuất, tài sản tiêu dùng thông thường và tài sản tiêu dùng sang trọng. Diện tích đất nông nghiệp đại diện cho vốn tự nhiên và thu nhập phụ đại diện cho vốn tài chính.

Có thể sử dụng 23 chỉ báo trích ra từ bộ dữ liệu VHLSS 2008 đại diện cho mười chiều đo để mô tả tình trạng nghèo đa chiều của hộ gia đình nông thôn. Các chỉ báo bao gồm tổng số lao động của hộ, số lao động phi nông nghiệp, số ngày khám chữa bệnh trung bình trong năm, tổng diện tích đất nông nghiệp, giá trị nhà ở, giá trị tiền gửi nhận được trong năm, chi tiêu bình quân đầu người, kiểu nhà vệ sinh và sở hữu xe máy là những chỉ báo phù hợp nhất về mặt thống kê để đo lường nghèo đa chiều của hộ.

Việc áp dụng đo lường nghèo đa chiều có tác động mạnh mẽ đến các đặc trưng của hộ gia đình nông thôn so với cách phân loại nghèo đơn chiều dựa trên chi tiêu. Phân cụm nghèo đa chiều có hiệu quả thống kê tốt hơn khi làm tăng tính đồng nhất của các quan sát trong cùng một cụm.

Nghiên cứu này cũng có một số hạn chế. Thứ nhất là các chỉ báo của vốn xã hội chưa được đưa vào tính toán phân tích. Ngoài ra, tình trạng nghèo đơn chiều được đo lường bằng chi tiêu bình quân đầu người trong khi thu nhập bình quân đầu người có thể là phù hợp hơn. Cuối cùng, kết quả phân tích nghèo đa chiều chỉ mới được áp dụng cho toàn bộ nông thôn Việt Nam chứ chưa được phân tích riêng biệt cho từng vùng kinh tế xã hội cụ thể. Hệ quả là tính chất khác biệt về vùng miền có thể tác động đến kết quả phân tích. Điều này có nghĩa là nên phân tích nghèo đa chiều cho từng vùng miền riêng biệt dựa trên các chỉ báo đặc trưng cho từng nơi. Các hạn chế trên cần được khắc phục ở những nghiên cứu tiếp theo.

Nghiên cứu rút ra được những khuyến nghị quan trọng sau đây.

Đo lường nghèo đa chiều là một vấn đề học thuật và thực tiễn quan trọng vì có thể cung cấp cho ta sự hiểu biết sâu sắc và toàn diện về tình trạng nghèo đói, nhất là ở khu vực nông thôn nơi có rất nhiều người nghèo sinh sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy các kỹ thuật thống kê đa biến như Principle Component Analysis, Multiple Correspondence Analysis là khả thi và phù hợp để phát hiện các chỉ báo kinh tế - xã hội đại diện cho nghèo đa chiều. Ta có thể dựa vào các chỉ báo tin cậy này để xây dựng các chỉ số đo lường nghèo đa chiều như Chỉ số nghèo tổng hợp (Composite Indicator of Poverty - CIP) hay Chỉ số nghèo đa chiều (Multidimensional Poverty Index - MPI) thay vì chỉ dựa vào kinh nghiệm hay các phân tích thống kê đơn biến giản đơn.

Kết quả phân tích cũng gợi ý là nên áp dụng trọng số cho các chỉ báo. Nhóm trọng số thứ nhất có được từ phân tích Principle Component Analysis. Nhóm trọng số thứ hai rút ra từ Multiple Correspondence Analysis. Nhóm trọng số thứ ba là tầm quan trọng của các biến trong phân tích cụm Two Step Cluster. Cần phải xác định áp dụng nhóm trọng số nào cho phân tích nghèo đa chiều.

Các nghiên cứu tiếp theo nên sử dụng bộ dữ liệu cập nhật hơn, ví dụ Bộ dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2010. Ngoài ra, nên so sánh cả tình trạng nghèo đơn chiều dựa trên chi tiêu và thu nhập với nghèo đa chiều. Một vấn đề đáng chú ý khác là cần tìm kiếm các

chỉ báo đặc trưng cho từng vùng kinh tế - xã hội, và bổ sung đầy đủ hơn các chỉ báo nếu có thể.

Từ khóa: *nghèo đa chiều, tài sản sinh kế, Principle Component Analysis, Multiple Correspondence Analysis, Cluster Analysis*

\* \* \* \* \*

## TRAO ĐỔI - THẢO LUẬN

Buổi trình bày đã mang đến nhiều điều thú vị cho người nghe khi tác giả giới thiệu về những cách thức cũng như những giới hạn trong việc đo lường tình trạng nghèo của hộ gia đình bằng 2 khái niệm đơn chiều hoặc đa chiều. Theo TS Khai, nghèo đơn chiều là nghèo về một khía cạnh nào đó (thông thường là tiền được đo lường bằng thu nhập hoặc chi tiêu) còn nghèo đa chiều là tình trạng nghèo được đánh giá trên nhiều mặt (cụ thể trong nghiên cứu này thể hiện qua 4 loại vốn: con người, vật chất, tự nhiên, và tài chính). Như vậy, một người có thể giàu về khía cạnh kinh tế nhưng lại nghèo về khía cạnh khác như văn hóa, giáo dục nhưng cũng có người lại có ít tiền nhưng lại rất hạnh phúc. Điều này một phần nào đó cho thấy những giới hạn nhất định khi sử dụng khái niệm nghèo đơn chiều trong các phân tích nghèo hiện nay.

Một trong những ý kiến phản hồi được ghi nhận đầu tiên là mục tiêu của bài viết (trên giấy) không được thể hiện rõ ràng như khi tác giả trình bày trong buổi seminar. Có ý kiến cho rằng với tựa đề nghiên cứu “quan hệ giữa sinh kế và nghèo ở nông thôn”, độc giả đọc đến hết bài viết vẫn không thấy rõ nhóm tác giả muốn làm gì: muốn đo lường nghèo theo cách tiếp cận đa chiều (mục tiêu A)? Hay muốn phân tích mối quan hệ giữa tài sản sinh kế và nghèo (mục tiêu B)? Hai mục tiêu này khác nhau nhưng cách trình bày trong bài viết không phân biệt rõ ràng làm cho người đọc đôi lúc rối rắm. Và cũng vì ngay từ đầu có lẽ hai mục tiêu này không được rạch ròi nên nhóm tác giả mất công để miêu tả khá dông dài (khoảng gần 20 trang) mối quan hệ giữa các chỉ số. Các mối quan hệ lại được lặp lại trong khâu phương pháp dưới hình thức khác, trong khi đó chúng có thể không cần phải chiếm nhiều chỗ nếu như mục tiêu được rõ ràng ngay từ đầu. Ví dụ, nếu mục tiêu là đo lường nghèo đa chiều (mục tiêu A) thì cấu trúc của bài viết sẽ xoáy sâu vào phương pháp, thay vì dành khoảng 20 trang để giới thiệu mối quan hệ giữa các chỉ số. Ngược lại, nếu mục tiêu là phân tích mối quan hệ giữa tài sản sinh kế và nghèo, thì có thể phần miêu tả mối quan hệ giữa các chỉ số trở thành cần thiết.

TS. Trần Tiến Khai đồng ý rằng có sự nhập nhằng giữa lời tựa và nội dung. Mục tiêu chính của bài viết thực ra không phải đo lường nghèo đa chiều cũng không phải phân tích mối

quan hệ giữa tài sản sinh kế. **Mục tiêu chính của nhóm tác giả là xác định các chỉ báo cho phép đo lường nghèo đa chiều.** Tuy nhiên, vì một số lý do mang tính hành chính nên nhóm tác giả không thể thay đổi tên đề tài cho phù hợp.

Theo ý kiến các khách mời, về mặt học thuật, việc thay đổi tên đề tài, phương pháp nghiên cứu, v.v... là chuyện thường xảy ra vì trong quá trình nghiên cứu, tác giả không ngừng sáng tạo và biến hóa, để cuối cùng cho ra một sản phẩm vừa ý, hợp lý. Một số gợi ý chỉnh sửa được nêu lên là hai mục tiêu này nên gói gọn thành một, tức mục tiêu chính chỉ còn là “đo lường nghèo đa chiều”. Điều này sẽ giúp xây dựng một cấu trúc bài viết rõ ràng cho độc giả hơn. Tuy nhiên, TS. Trần Tiến Khai nhấn mạnh rằng cần phân biệt hai mục tiêu (1) đo lường nghèo và (2) xác định các chỉ báo. TS. Khai muốn dừng lại việc tìm kiếm xác định các chỉ số hơn là đo lường nghèo, vì để đo lường nghèo, nhóm tác giả cần thực hiện thêm một bước nữa là xác định tỷ trọng của các biến, một công việc khá rắc rối mà ở giai đoạn này nhóm tác giả chưa thực hiện.

Nói tiếp những tranh luận về cấu trúc bài viết, các ý kiến đóng góp xoay quanh các kết quả nghiên cứu cũng được đánh giá là không kém phần thú vị. Dựa trên khung lý thuyết sinh kế bền vững và một số kỹ thuật phân tích dữ liệu<sup>2</sup>, kết quả của nhóm nghiên cứu cho thấy có đến 23 chỉ báo, đại diện cho 10 chiều đo lường có thể dùng để đánh giá tình trạng nghèo. Về mặt kỹ thuật, TS Khai cho rằng các kỹ thuật này có ưu điểm là giúp nhận dạng những biến đại diện cho từng chiều độc lập vì thế giảm bớt tình trạng đa cộng tuyến nếu chúng ta tiếp tục xử lý trong các phương trình hồi qui. Một điểm khác cũng thu hút sự quan tâm của các những người tham dự, đó là tỷ lệ nghèo ở Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào nếu áp dụng khung phân tích đa chiều này? Hiện tại, các phân tích trong báo cáo này chưa nêu ra con số cụ thể là bao nhiêu, nhưng TS. Khai dự đoán tỷ lệ hộ nghèo sẽ tăng lên khi áp dụng khái niệm đa chiều. Điều này cũng hợp lý, vì ngoài vấn đề nghèo về tiền, khả năng tiếp cận đến các dịch vụ giáo dục, y tế, và dịch vụ xã hội khác của hộ gia đình ở nông thôn còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, điều kiện nhà ở cũng có thể chưa đủ tốt. Nếu chúng ta xem xét thêm các yếu tố này, thì tỷ lệ nghèo có thể cao hơn nhiều. Trong nghiên cứu kế tiếp, nhóm nghiên cứu sẽ quan tâm đến việc đưa ra các con số cụ thể để so sánh.

TS Khai cũng lưu ý rằng các chỉ báo (biến) đại diện cho các chiều đo lường cần được xử lý một cách hết sức cẩn trọng. Bởi lẽ, trong nghiên cứu này việc sử dụng các biến đại diện chỉ đảm bảo về mặt thống kê, một số chỉ báo chưa thể hiện đầy đủ mối quan hệ giữa nguồn lực của hộ và tình trạng nghèo. Một ví dụ khá cụ thể trong nghiên cứu này là biến thu nhập từ

<sup>2</sup> Principle component analysis, Multiple correspondence analysis và cluster analysis

người thân, chỉ báo để đo lường vốn tài chính của nông hộ. TS Khai cho rằng các tài sản có độ thanh khoản cao như vàng, bạc, đá quý hay tiền gửi ngân hàng là những biến định lượng tốt hơn để đánh giá cho nguồn lực tài chính của hộ. Nhưng do giới hạn về cơ sở dữ liệu các biến này chưa được đưa vào khung phân tích. Vì thế, khía cạnh vốn tài chính chưa được đánh giá một cách đúng mức.

Liên quan đến việc đo lường nguồn lực vật chất của hộ, có ý kiến được nêu lên là tại sao nghiên cứu này không xem diện tích đất đai là chỉ báo đại diện cho khung phân tích nghèo, trong khi rất nhiều nghiên cứu khác xem diện tích đất đai là một trong những tài sản sinh kế quan trọng của nông dân? Trả lời cho câu hỏi này, TS. Khai phân tích có thể tác động của diện tích đất mỗi hộ nắm giữ chưa đủ tạo ra sự chênh lệch giàu nghèo đáng kể giữa các nhóm nông hộ trong nghiên cứu. Số liệu thống kê (xem bảng) cho thấy tỷ lệ hộ nông dân có dưới 1 hecta đất canh tác tương đối lớn, khoảng 87% trong khi tỷ lệ nông hộ có trên 3 hecta chỉ chiếm vài phần trăm trong tổng số nông hộ. Điều này giúp đưa ra nhận định là bên cạnh nguồn thu nhập từ hoạt động canh tác trên đất nông nghiệp thì các nguồn thu nhập khác (phi nông nghiệp) cũng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc dẫn đến chênh lệch giàu nghèo. Hơn nữa, nếu chỉ dựa trên yếu tố diện tích đất nông nghiệp nhiều hay ít thì cũng chưa đủ tạo ra sự chênh lệch giàu nghèo giữa các hộ, mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như loại hình cây trồng vật nuôi, số vụ trong năm, v.v... Ví dụ 1 hecta lúa chỉ cho tối đa 50-60 triệu đồng doanh thu/năm, trong khi 1 hecta cà phê, rau, hoa, có thể cho giá trị doanh thu hàng trăm triệu đồng/năm. Như vậy, về phương diện thực nghiệm lẫn lý thuyết, biến diện tích đất nông nghiệp sở hữu còn rất nhiều hạn chế và không phản ánh tầm quan trọng của nó trong việc đo lường nghèo đa chiều.

Một số ý đóng góp khác cũng được nêu ra như nên bổ sung tình trạng pháp lý của nhà (nhà ở hoặc đi thuê) để đánh giá tốt hơn nguồn lực vật chất hay bổ sung biến số năm đi học trung bình của người trong độ tuổi lao động để có những đánh giá tốt hơn nguồn lực con người của hộ. Theo TS. Khai, tình trạng pháp lý của nhà sẽ là một chỉ báo tốt cho nguồn lực vật chất của hộ chỉ trong trường hợp đối tượng nghiên cứu là hộ nghèo ở khu vực thành thị. Ở khu vực nông thôn, hầu như tất cả các hộ đều sống trên đất của mình, do đó biến tình trạng pháp lý này không đủ cơ sở để giúp đánh giá hiệu quả nguồn lực vật chất của hộ. Đối với các biến dùng để đánh giá nguồn lực con người của hộ, TS. Khai cho rằng số năm đi học trung bình của người trong độ tuổi lao động là biến số có thể đại diện tốt nhất cho nguồn lực con người. Lí giải điều này, TS. Khai giải thích ở nông thôn vận mệnh kinh tế thường được quyết định bởi những người trong độ tuổi lao động, có thu nhập quyết định. Do đó, các biến số khác

như trình độ học vấn của chủ hộ (số năm đi học hoặc bằng cấp cao nhất) sẽ không phải là biến đại diện tốt vì chủ hộ có thể không có vai trò trong các quyết định kinh tế của hộ. Mặt khác, ở những hộ có nhiều trẻ em, biến số năm đi học trung bình của hộ sẽ có xu hướng giảm dần và làm thiên lệch các phân tích.

Ngoài ra, việc chỉ sử dụng bộ cơ sở dữ liệu VHLSS 2008 cho khung phân tích cũng làm tăng sự nghi ngờ về tính ổn định và giảm độ tin cậy của các chỉ báo. Các chỉ báo được rút ra từ nghiên cứu này chỉ có ý nghĩa thống kê khi sử dụng bộ cơ sở dữ liệu thu thập chỉ trong 1 năm duy nhất (VHLSS 2008), một câu hỏi đặt ra là vậy các chỉ báo này có phải là những biến đại diện tốt trong việc đo lường khái niệm nghèo đa chiều trong tương lai hay các chỉ báo này chỉ có thể áp dụng trong một năm duy nhất là 2008? Một số ý kiến đề xuất là nên áp dụng lại khung phân tích này trong các bộ dữ liệu VHLSS 2006, 2004. Nhóm nghiên cứu của TS.Khai cũng nhận thấy vấn đề và sẽ tiếp tục sử dụng bộ cơ sở dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình (VHLSS 2010) cho khung phân tích này nhằm kiểm tra tính ổn định của các chỉ báo trước khi có những công bố chính thức.

Thư ký seminar,

Lương Duy Quang,

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển trường Đại học Mở TPHCM

**Bảng 1. Phân bố nông hộ theo quy mô nông trại (%)**

	Tổng cộng	Không đất	Dưới 0,2 ha	0,2-0,5 ha	0,5-1,0 ha	1,0-3,0 ha	3,0-5,0 ha	5,0-10,0 ha	Từ 10,0 ha
Cả nước	100	1,1	27,0	44,0	16,2	10,5	1,0	0,2	0,0
Miền Bắc	100	1,2	35,4	51,1	9,6	2,5	0,1	0,0	0,0
Vùng núi phía Bắc		0,8	25,5	49,1	17,2	6,9	0,4	0,1	-
ĐB sông Hồng		0,8	45,5	50,4	3,2	0,1	-	-	-
Bắc Trung bộ		2,3	30,7	54,7	11,1	1,1	0,0	0,0	-
Miền Nam		1,0	12,8	32,1	27,2	23,9	2,4	0,5	0,0
Nam Trung bộ		1,4	28,0	46,2	17,6	6,4	0,3	0,1	0,0
Tây Nguyên		0,8	10,2	32,3	32,5	22,9	1,2	0,2	0,0
Đông Nam Bộ		1,7	9,5	27,5	29,7	27,9	2,8	0,8	0,1
ĐBSCL		0,7	6,2	25,7	30,7	32,5	3,6	0,7	0,1

*Nguồn:* Số liệu thống kê Nông, Lâm, Ngư nghiệp 1984-1985, Tổng cục Thống kê

**Bảng 2. Thay đổi về quy mô đất sản xuất ở ĐBSCL**

Quy mô đất của hộ sản xuất nông nghiệp	ĐBSCL (1994)	ĐBSCL (2006)	Cả nước (2006)
Dưới 0,2 ha	6,15	16,63	32,21
Từ 0,2 đến dưới 0,5 ha	25,65	28,41	35,64
Từ 0,5 đến dưới 1ha	30,65	25,12	15,52
Từ 1 đến dưới 2 ha		18,62	9,85
Từ 2 đến dưới 3 ha	32,48	6,70	3,39
Từ 3 đến dưới 5 ha	3,63	3,58	1,87
Từ 5 đến dưới 10 ha	0,68	0,85	0,54
Từ 10 ha trở lên	0,05	0,09	0,08

*Nguồn:* Số liệu 1994: Lê Mạnh Hùng và ctv. (1996). Kinh tế xã hội Việt Nam: Hiện trạng, Xu hướng và Giải pháp. Nhà Xuất bản Thống kê. Hà Nội. Việt Nam. Số liệu 2006: Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006. Tổng Cục Thống kê.